

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2017

V/v Tranh chấp “hôn nhân
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngân.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp PT, xã TP, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Phước H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: tổ 08, ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/5/2017 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Phước H tiến tới hôn nhân vào năm 1993, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 93/2004 ngày 08/11/2004. Sau khi thành vợ chồng thì thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, anh H thường hay ghen tuông vô cớ, không quan tâm gì đến vợ con và anh đã bỏ nhà ra đi không biết hiện nay ở đâu từ đó chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay.

Về con chung của vợ chồng: anh, chị có hai đứa con chung là cháu Nguyễn Hoàn M, sinh ngày 14/10/2004 hiện đang sống với chị và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/02/1994 hiện nay đã trưởng thành và tự lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có.

Nay chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Nguyễn Phước H và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàn M, sinh ngày 14/10/2004, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Phước H đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 17/7/2017 do bận đi làm ăn xa.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện PT đối với mẹ ruột của anh H là bà Ngô Thị E xác định anh H, chị T đã kết hôn, có hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàn M và Nguyễn Văn H, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị T là hôn nhân hợp pháp, anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, từ trước đến nay cháu M do chị T nuôi dưỡng có môi trường sống tốt, ổn định và chị cũng có đầy đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu nên cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T. Đối với cháu H hiện nay đã trưởng thành và tự lập được nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh H với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp HH, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Phước H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phước H kết hôn vào năm 1993 và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2014, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về con chung: Chị T, anh H có hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàn M, sinh ngày: 14/10/2004, cháu M đang sống chung với chị T. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu M đã sống chung với chị T, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị T, cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nên yêu cầu của chị là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên tiếp tục giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng. Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với cháu H hiện nay đã trưởng thành và tự lập được nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí:

Yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu tiền số 0016002 ngày 20/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phước H.

2/. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày: 14/10/2004 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016002 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện PT, tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS PT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa